

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1314**/LĐTĐBXH-BTXH
V/v Báo cáo kết quả 10 năm thực hiện
Luật Người khuyết tật

Hà Nội, ngày **10** tháng **5** năm 2021

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 753/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 01/11/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật, trong đó, giao “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các bộ, ngành và địa phương sơ kết 10 năm thực hiện Luật Người khuyết tật và nghiên cứu xây dựng dự án sửa đổi, bổ sung Luật Người khuyết tật”, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Sở, ngành có liên quan sơ kết 10 năm thực hiện Luật người khuyết tật (theo Đề cương gửi kèm).

Báo cáo kết quả thực hiện 10 năm thực hiện Luật Người khuyết tật gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Bảo trợ xã hội, tầng 5, toà nhà Minori, 67A Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội, điện thoại 0986869388, Email: HangNC@molisa.gov.vn), **trước ngày 15/6/2021** để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, BTXH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Văn Hồi

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT (TỪ 2011-2020)
(Ban hành kèm theo Công văn số 1314/LĐTĐ-BTXH
ngày 10/5/2021 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội)

I. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1. Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật chỉ đạo, hướng dẫn thi hành Luật Người khuyết tật của địa phương

- Công tác ban hành các văn bản của UBND tỉnh và các Sở, ban ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các quy định của Luật Người khuyết tật từ 2011 – 2020 (liệt kê văn bản theo phụ lục 1).

- Đánh giá công tác ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện Luật Người khuyết tật của địa phương.

2. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Người khuyết tật

- Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Người khuyết tật trên phương tiện thông tin đại chúng (truyền hình, truyền thanh, báo chí của địa phương);

- Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật Người khuyết tật được tổ chức trực tiếp (số lượng, quy mô các đợt truyền thông trực tiếp);

- Đánh giá công tác truyền thông, tuyên truyền, phổ biến Luật Người khuyết tật.

3. Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, dự án, đề án, chương trình trợ giúp người khuyết tật

- Tình hình xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, dự án, đề án, chương trình trợ giúp người khuyết tật và lồng ghép công tác người khuyết tật vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương của địa phương (liệt kê theo phụ lục 2).

- Đánh giá tình hình xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, đề án, chương trình trợ giúp người khuyết tật ở địa phương.

II. KẾT QUẢ 10 NĂM THỰC HIỆN LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT

1. Xác nhận khuyết tật

1.1. Triển khai thực hiện xác nhận khuyết tật:

- Tình hình thành lập Hội đồng xác nhận khuyết tật cấp xã;
- Hoạt động của hội đồng xác nhận khuyết tật cấp xã;
- Phương pháp xác định khuyết tật;
- Thủ tục xác định khuyết tật.

1.2. Triển khai xác nhận khuyết tật:

- Tình hình cấp giấy chứng nhận khuyết tật
- Tình hình xác nhận lại khuyết tật.
- Tình hình xác nhận khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện.

1.3. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về xác nhận khuyết tật trong Luật Người khuyết tật

- Khó khăn, tồn tại, bất cập
- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định.

2. Chăm sóc sức khỏe người khuyết tật

2.1. Thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức phổ thông về chăm sóc sức khỏe, phòng ngừa, giảm thiểu khuyết tật; hướng dẫn người khuyết tật phương pháp phòng bệnh, tự chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng

- Tình hình lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe người khuyết tật

2.2. Thực hiện chính sách ưu tiên trong khám chữa bệnh

- Tình hình cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người khuyết tật
- Tình hình thực hiện ưu tiên trong khám bệnh, chữa bệnh đối với người khuyết tật

2.3. Phục hồi chức năng cho người khuyết tật

- Tình hình phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại các cơ sở phục hồi chức năng của địa phương;

- Tình hình tổ chức Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng tại địa phương

- Tình hình hỗ trợ, cung cấp công cụ, dụng cụ cho người khuyết tật (xe lăn, xe lắc, máy trợ thính, gậy dò đường,...)

2.4. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về chăm sóc sức khỏe người khuyết tật trong Luật Người khuyết tật

- Khó khăn, tồn tại, bất cập
- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định.

3. Giáo dục đối với người khuyết tật

3.1. Triển khai các phương thức giáo dục đối với người khuyết tật

- Tình hình tổ chức giáo dục hòa nhập
- Tình hình tổ chức các hình thức giáo dục khác đối với người khuyết tật

3.2. Thực hiện chính sách hỗ trợ đối với người khuyết tật tham gia giáo dục

- Ưu tiên trong tuyển sinh
- Miễn giảm học phí, các khoản đóng góp
- Cung cấp phương tiện, tài liệu, sách vở, đồ dùng học tập.

3.3. Thực hiện chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục tham gia giáo dục người khuyết tật

- Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ
- Chế độ phụ cấp, chính sách ưu đãi.

3.4. Thực trạng tham gia giáo dục của người khuyết tật

- Nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non
- Các cấp học phổ thông
- Trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên.

3.5. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về giáo dục đối với người khuyết tật trong Luật Người khuyết tật.

- Khó khăn, tồn tại, bất cập
- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định.

4. Dạy nghề và tạo việc làm cho người khuyết tật

4.1. Tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật

- Tình hình tổ chức dạy nghề cho người khuyết tật (tư vấn, dạy nghề, việc làm sau học nghề...)

- Tham gia vào công tác dạy nghề cho người khuyết tật của các cơ sở dạy nghề, doanh nghiệp, CSXSĐ

4.2. Hỗ trợ việc làm cho người khuyết tật

- Tư vấn, giới thiệu việc làm, các hình thức hỗ trợ việc làm

- Thực trạng triển khai chính sách ưu đãi đối với cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng lao động là người khuyết tật

- Tình hình phát triển các mô hình việc làm điển hình của người khuyết tật

4.3. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về dạy nghề và việc làm đối với người khuyết tật trong Luật Người khuyết tật:

- Khó khăn, tồn tại, bất cập
- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định

5. Văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch của người khuyết tật

5.1. Tình hình tiếp cận văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch của người khuyết tật

- Về văn hóa, văn nghệ

- Thể dục, thể thao

- Giải trí và du lịch

- Miễn, giảm giá vé tham quan, du lịch

- Đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện trợ giúp và tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật tham gia sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể dục, thể thao, giải trí và du lịch;

- Thực hiện cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất chưa bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật

5.2. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch đối với người khuyết tật

- Khó khăn, tồn tại, bất cập

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về văn hóa, thể dục, thể thao, giải trí và du lịch đối với người khuyết tật trong Luật Người khuyết tật. Luật Việt Nam

6. Nhà chung cư, công trình công cộng, giao thông, công nghệ thông tin và truyền thông

6.1. Nhà chung cư và công trình công cộng

a) Tình hình triển khai các nội dung:

+ Áp dụng hệ thống quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng bảo đảm tiếp cận của người khuyết tật đối với các công trình xây dựng mới

+ Thực hiện lộ trình cải tạo công trình công cộng đảm bảo tiếp cận

b) Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về nhà chung cư, công trình xây dựng trong luật Người khuyết tật

+ Khó khăn, tồn tại, bất cập

+ Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định

6.2. Tham gia giao thông của người khuyết tật

a) Tình hình triển khai các nội dung

- Phát triển phương tiện giao thông công cộng tiếp cận

- Miễn, giảm giá vé tham gia giao thông đối với người khuyết tật

b) Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về giao thông tiếp cận trong Luật Người khuyết tật

- Khó khăn, tồn tại, bất cập

- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định

6.3. Công nghệ thông tin và truyền thông

a) Tình hình triển khai ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin dành cho người khuyết tật

b) Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về công nghệ thông tin và truyền thông

- Khó khăn, tồn tại, bất cập
- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định

7. Bảo trợ xã hội đối với người khuyết tật

7.1. Tình hình triển khai các nội dung:

- Trợ cấp xã hội hàng tháng của người khuyết tật;
- Hỗ trợ kinh phí chăm sóc hàng tháng người khuyết tật
- Nuôi dưỡng người khuyết tật trong các cơ sở bảo trợ xã hội
- Tình hình thực hiện chính sách, chế độ khác (hỗ trợ mai táng phí,...)

7.2. Các khó khăn, tồn tại, bất cập và đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về công nghệ thông tin và truyền thông trong Luật Người khuyết tật.

- Khó khăn, tồn tại, bất cập
- Đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định

8. Quản lý thông tin/cơ sở dữ liệu về lĩnh vực người khuyết tật

8.1. Công tác thu thập, cập nhật thông tin, quản lý thông tin về người khuyết tật

Khó khăn, tồn tại

9. Đánh giá chung về việc triển khai thực hiện các quy định của Luật người khuyết tật. Nêu rõ những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện Luật Người khuyết tật và kiến nghị, đề xuất sửa đổi các quy định của Luật Người khuyết tật 2010

9.1. Đánh giá tình hình thực hiện Luật Người khuyết tật

9.2. Kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Người khuyết tật

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU THÔNG KÊ VỀ NGƯỜI KHUYẾT TẬT
GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

Mã	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Số liệu	
			Người	Nữ
A	Chỉ tiêu chung	Người	Nữ	Tổng số
A1	Tổng số người khuyết tật (bao gồm cả người khuyết tật là thương binh, bệnh binh, nạn nhân chất độc da cam/DIOXIN, v.v...)			
	<i>Chia theo dạng tật</i>			
A1.1	Số người khuyết tật vận động	Người		
A 1.2	Số người khuyết tật nghe và nói	Người		
A 1.3	Số người khuyết tật nhìn	Người		
A 1.4	Số người khuyết tật thần kinh	Người		
A1.5	Số người khuyết tật trí tuệ	Người		
A 1.6	Số người khuyết tật dạng khuyết tật khác	Người		
	<i>Chia theo mức độ khuyết tật</i>			
A 1.7	Người khuyết tật đặc biệt nặng	Người		
A 1.8	Người khuyết tật nặng	Người		
A 1.9	Người khuyết tật nhẹ	Người		
	<i>Chia theo nhóm đối tượng</i>			
A 1.10	Số người khuyết tật <16 tuổi (trẻ em)	Người		
A 1.11	Số người khuyết tật từ 16 - <60 tuổi	Người		
	Số người khuyết tật ≥ 60 tuổi (người cao tuổi)			
A 1.12	<i>Chia theo khả năng tự phục vụ & khả năng lao động</i>	Người		
A 1.13	Số người khuyết tật còn khả năng tự phục vụ	Người		
A 1.14	Số người khuyết tật còn khả năng lao động	Người		
A 1.15	Số người khuyết tật có việc làm	Người		
A 1.16	Số người khuyết tật được cấp giấy chứng nhận khuyết tật	Người		
A 2	Tổng số hộ có thành viên là người khuyết tật	Hộ		
A 2.1	Số hộ có từ 2 người khuyết tật trở lên	Hộ		
A 2.2	Số hộ nghèo có thành viên là người khuyết tật	Hộ		
A 2.3	Số hộ cận nghèo có thành viên là người khuyết tật	Hộ		
A3	Tổng số cơ sở bảo trợ xã hội	Cơ sở		
A3.1	Số cơ sở BTXH có nuôi dưỡng người khuyết tật	Cơ sở		
A4	Chương trình hỗ trợ người khuyết tật được triển khai trong giai đoạn 2011 -2020			
	CẤP HUYỆN			
A4.1	Số huyện triển khai Chương trình dạy nghề và việc làm cho người khuyết tật	Huyện		
A4.2	Số huyện triển khai Chương trình sàng lọc, can thiệp sớm khuyết tật	Huyện		
A4.3	Số huyện triển khai Chương trình CSSK – PHCN cho người khuyết tật	Huyện		
A4.5	Số huyện triển khai Chương trình giao thông tiếp cận	Huyện		

A4.6	Số huyện triển khai tiếp cận trụ sở CQ nhà nước, công trình xây dựng	Huyện		
A4.7	Số huyện triển khai Chương trình giảm nghèo và bảo trợ xã hội	Huyện		
CẤP XÃ				
A4.8	Số xã triển khai Chương trình dạy nghề và việc làm cho người khuyết tật	Xã		
A4.9	Số xã triển khai Chương trình sàng lọc, can thiệp sớm khuyết tật	Xã		
A4.10	Số xã triển khai Chương trình CSSK – PHCN cho người khuyết tật	Xã		
A4.11	Số xã triển khai Chương trình giao thông tiếp cận	Xã		
A4.12	Số xã triển khai Tiếp cận trụ sở CQ nhà nước, công trình xây dựng	Xã		
A4.13	Số xã triển khai Chương trình giảm nghèo và bảo trợ xã hội	Xã		
B	Chỉ tiêu theo lĩnh vực/ngành			
B.1	Dạy nghề, việc làm và bảo trợ xã hội			
B1.1	Số người khuyết tật được học nghề ngắn hạn (dưới 1 năm)	Người		
B1.2	Số người khuyết tật được hỗ trợ kinh phí học nghề	Người		
B1.3	Số người khuyết tật có việc làm mới	Người		
B1.4	Số người khuyết tật được vay vốn giải quyết việc làm	Người		
B1.5	Số người khuyết tật được TCXH hàng tháng ở cộng đồng	Người		
B1.6	Số người khuyết tật được nuôi dưỡng tại các cơ sở BTXH	Người		
B1.7	Số người (hộ) được trợ cấp chăm sóc người khuyết tật	Người		
B1.8	Số người khuyết tật được cấp thẻ BHYT	Người		
B1.9	Số trẻ em khuyết tật được hỗ trợ tham gia giáo dục	Trẻ em		
B1.10	Tổng ngân sách chi cho các chương trình/đề án/dự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành LĐTBXH giai đoạn 2011 - 2020	1.000đ		
B2	Y tế - Chăm sóc sức khỏe, Phục hồi chức năng			
B2.1	Số trẻ em sơ sinh đến 6 tuổi được khám sàng lọc khuyết tật	Trẻ em		
B2.2	Số trẻ em khuyết tật được can thiệp sớm khuyết tật bằng biện pháp y học	Trẻ em		
B2.3	Số người khuyết tật được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe	Người		
B2.4	Số trạm y tế xã có phân công cán bộ y tế phụ trách công tác PHCN	Trạm		
B2.5	Số bệnh viện PHCN tỉnh	BV		
B2.6	Số bệnh viện đa khoa tỉnh có khoa PHCN	BV		
B2.7	Số bệnh viện chuyên khoa tỉnh có khoa PHCN	BV		
B2.8	Số nhân viên y tế xã phụ trách công tác PHCN đã được bồi dưỡng kiến thức PHCN	Người		

B2.9	Số nhân viên y tế (bác sỹ, y sỹ, kỹ thuật viên) làm công tác PHCN đã được bồi dưỡng kiến thức PHCN	Người		
B2.10	Số trường đại học chuyên ngành Y có khoa/bộ môn PHCN trên địa bàn tỉnh	Trường		
B2.11	Số trường Cao đẳng, trung cấp Y tế có khoa/bộ môn PHCN trên địa bàn tỉnh	Trường		
B2.12	Số người khuyết tật được hướng dẫn PHCNDVCD	Người		
B2.13	Số người khuyết tật được cung cấp các dụng cụ hỗ trợ	Người		
B2.14	Ngân sách chi cho chương trình/đề án/dự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành y tế giai đoạn 2011 -2020	1000 đ		
B3	Giáo dục – Đào tạo			
B3.1	Số cơ sở giáo dục chuyên biệt	Cơ sở		
B3.2	Số trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	T.Tâm		
B3.3	Số cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức giáo dục hòa nhập	Cơ sở		
B3.3.1	<i>Số giáo viên tham gia dạy trẻ khuyết tật theo phương thức hòa nhập trong các cơ sở giáo dục phổ thông</i>	Người		
B3.4	Số trẻ em khuyết tật đi nhà trẻ, mẫu giáo, mầm non	Trẻ em		
B3.5	Số trẻ khuyết tật học Tiểu học	Trẻ em		
B3.6	Số trẻ khuyết tật học Trung học cơ sở	Trẻ em		
B3.7	Số trẻ khuyết tật học Trung học phổ thông	Trẻ em		
B3.8	Số trẻ khuyết tật đang học trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt	Trẻ em		
B4	Tiếp cận nhà ở, công trình xây dựng			
B4.1	Tỷ lệ công sở hành chính nhà nước đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%		
B4.2	Tỷ lệ công trình thể dục, thể thao đảm bảo tiếp cận	%		
B4.3	Tỷ lệ công trình văn hóa đảm bảo tiếp cận	%		
B4.4	Tỷ lệ công trình Y tế đảm bảo tiếp cận	%		
B4.5	Tỷ lệ nhà gia, bến xe bảo tiếp cận	%		
B4.6	Tỷ lệ công trình dịch vụ (Bưu điện, ngân hàng, siêu thị) đảm bảo tiếp	%		
B4.7	Tỷ lệ nhà chung cư đảm bảo tiếp cận	%		
B4.8	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận nhà ở, công trình xây dựng của ngành xây dựng giai đoạn 2011 -2020	1.000 đ		
B5	Giao thông tiếp cận			
B5.1	Tỷ lệ xe buýt đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	%		
B5.2	Tỷ lệ nhà chờ bến xe, bến tàu đảm bảo tiếp cận	%		
B5.3	Số người khuyết tật được cấp thẻ đi xe bus miễn phí	Người		
B5.4	Số lượt người khuyết tật được giảm giá vé khi tham gia giao thông đường sắt	Người		
B5.5	Số lượt người khuyết tật được giảm giá vé khi tham gia giao thông hàng không	Người		
B5.6	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ	1.000đ		

	trợ người khuyết tật tiếp cận giao thông của ngành Giao thông vận tải giai đoạn 2011 -2020			
B6	Công nghệ thông tin – Truyền thông			
B6.1	Số trang thông tin điện tử của cơ quan hành chính nhà nước đảm bảo tiếp cận của người khuyết tật	Trang ĐT		
B6.2	Số lần phát thanh chuyên mục người khuyết tật hàng tháng (bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/thá ng		
B6.3	Số lần phát sóng truyền hình chuyên mục người khuyết tật hàng tháng(bao gồm cả tiếp sóng TW)	Lần/thá ng		
B6.4	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận công nghệ thông tin – truyền thông của ngành Thông tin – truyền thông giai đoạn 2011 -2020	1000đ		
B7	Văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao và Du lịch			
B7.1	Số câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ của người khuyết tật	CLB		
B7.2	Số người khuyết tật tham gia câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ	Người		
B7.3	Số câu lạc bộ thể dục, thể thao của người khuyết tật	CLB		
B7.4	Số người khuyết tật tham gia câu lạc bộ thể dục – thể thao	Người		
B7.5	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ người khuyết tật của ngành Văn hóa, Thể thao & Du lịch giai đoạn 2011 -2020	1.000đ		
B8	Nội vụ - phát triển tổ chức của/vì người khuyết tật			
B8.1	Số tổ chức hội của người khuyết tật	Tổ chức		
B8.2	Tổng số hội viên	Người		
B8.3	Ngân sách nhà nước chi cho chương trình/đề án/sự án hỗ trợ phát triển tổ chức của/vì người khuyết tật giai đoạn 2011 -2020	1.000đ		

Lưu ý: Các chỉ tiêu được tính cộng dồn từ thời điểm 31/12/2020.

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO THỰC THI LUẬT NGƯỜI KHUYẾT TẬT CỦA ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

STT	Hình thức văn bản	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Số văn bản	Nội dung chính của văn bản
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					

PHỤ LỤC 2

**CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN HỖ TRỢ NGƯỜI KHUYẾT TẬT VÀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CÓ LÒNG GHÉP VÂN ĐÈ
NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2011 -2020**

TT	Tên chương trình/đề án hỗ trợ người khuyết tật và các chương trình có lòng ghép nội dung hỗ trợ người khuyết tật	Thời gian thực hiện		Mục đích	Phạm vi thực hiện	Nội dung/ hoạt động chủ yếu
		Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc			
1						
2						
3						
4						
5						